

UBND QUẬN NGÔ QUYÊN
TRƯỜNG MẦM NON SAO SÁNG 4

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành	- Chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ phát triển bình thường đạt 98%. Trong đó giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân từ 5 % xuống dưới 2%. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi từ 2,5% xuống dưới 2%.	- Trẻ phát triển bình thường đạt 98%. (Riêng trẻ 5 tuổi phần đầu đạt 100%) - Trẻ 3-4 tuổi phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân từ 4 % xuống dưới 2%. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi từ 3,4% xuống dưới 2%.
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	100% trẻ được ăn bán trú tại trường, được nuôi dưỡng theo đúng quy định về chế độ dinh dưỡng theo độ tuổi, đảm bảo an toàn thực phẩm. Đảm bảo có đầy đủ nước sạch cho trẻ (uống nước chín, sử dụng nước máy trong sinh hoạt) Thực đơn cho trẻ đa dạng, phong phú.	100% trẻ được ăn bán trú tại trường, được nuôi dưỡng theo đúng quy định về chế độ dinh dưỡng theo độ tuổi, đảm bảo an toàn thực phẩm. Đảm bảo có đầy đủ nước sạch cho trẻ (uống nước chín, sử dụng nước máy trong sinh hoạt) Thực đơn cho trẻ đa dạng, phong phú.
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho	100% trẻ được an toàn về thể chất và tinh thần. Chăm sóc trẻ theo đúng chế độ nhà trẻ, cân đo	100% trẻ được an toàn về thể chất và tinh thần. Chăm sóc trẻ theo đúng chế độ, cân đo cho trẻ 3 lần/

	<p>trẻ.</p>	<p>cho trẻ 3 lần/ năm học; khám sức khỏe cho trẻ 1-2 lần. Có kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì.</p> <p>Đảm bảo CSVC đầy đủ đáp ứng nhu cầu CS trẻ theo độ tuổi.</p> <p>Trẻ có kỹ năng vệ sinh cá nhân và lao động tự phục vụ theo độ tuổi.</p>	<p>năm học; khám sức khỏe cho trẻ 1-2 lần. Có kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì.</p> <p>Đảm bảo CSVC đầy đủ đáp ứng nhu cầu CS trẻ theo độ tuổi.</p> <p>Trẻ có kỹ năng vệ sinh cá nhân và lao động tự phục vụ theo độ tuổi.</p>
<p>3</p>	<p>Chất lượng giáo dục trẻ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Diễn đạt rõ ràng và giao

		<p>lời nói, cử chỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình... 	<p>tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có ý thức về bản thân. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (nếu có)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ theo thông tư 02/2010/TT-BGDĐT và sửa đổi bổ sung theo thông tư 34/2013/TT-BGDĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ theo thông tư 02/2010/TT-BGDĐT và sửa đổi bổ sung theo thông tư 34/2013/TT-BGDĐT

P. Đồng Quốc Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phát

Dương Thị Phương Hào

**UBND QUẬN NGŨ QUYỀN
TRƯỜNG MẦM NON SAO SÁNG 4****THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2024-2025**

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3550 m ²	7.8 m ² / trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1080 m ²	2.4 m ² / trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	57 m ²	1.9 m ² / trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	43 m ²	1.4 m ² / trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	13 m ²	0.43 m ² / trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	22 m ²	0.7 m ² / trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	01 phòng 50 m ²	2.0 m ² / trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	01 phòng 95m ² /phòng	2.0 m ² / trẻ em
7	Diện tích phòng hoạt động tiếng Anh	01 phòng 63 m ²	2.0 m ² / trẻ em

8	Diện tích phòng Steam (m ²)	01 phòng 63 m ²	2.0 m ² / trẻ em
9	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	400	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	280	20bộ
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	120	8.5 bộ
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	35	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	17 cái	1 cái / lớp
2	Nhạc cụ (đàn organ)	5 cái	
3	Catsset	01	0
4	Đầu video	01 cái	
5	Bàn đúng quy cách	200 cái	14 cái /lớp
6	Ghế đúng quy cách	500	35 cái/ lớp

		Số lượng (m ²)		
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	156 m ²	262 m ²	0,6 m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

P. Đồng Quốc Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phát

Dương Thị Phương Hảo

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG MẦM NON SAO SÁNG 4

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-20224

T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường			Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	493	100%	Đạt 100%			50	134	155	154	
		Trẻ học nhóm ghép	0									
		Trẻ học 2 buổi/ngày	493	100%	100%			50	134	155	154	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0									
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	493	100%	100%			50	134	155	154	
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	493	100%	100%			50	134	155	154	
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	458	94,4%	100%			44	124	145	145	
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	493	100%	100%			50	134	155	154	
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	486	98,6%	Tăng			50	130	152	154
			Trẻ có chiều cao bình thường	493	99,8%	Tăng			50	134	155	154
		Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0									

cho trẻ	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		1	0,2%	Giảm			1	0	0	0	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm		0					0	0	0	0	
	Trẻ thừa cân		4	0,6 %	Giảm			0	1	3	0	
	Trẻ béo phì		2	0,8%	Giảm			0	0	2	0	
	Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần		493	100%	100%			50	134	155	154	
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần			90%	Tăng 2% so với dự kiến đầu năm học			88%	90%	90%	92%
		Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"							50	134	155
	Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"											
	Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"											
	Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		154	100%								154
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ											

P. Đồng Quốc Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Phương Hảo

3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên nuôi dưỡng	9			5	4									
6	Nhân viên khác	3													
...	...														

Ghi chú: Đối tượng chưa có tiêu chí đánh giá "Hạng chức danh nghề nghiệp" và "Chuẩn nghề nghiệp" thì để trống.

Văn thư: Hạng I tương ứng với Văn thư viên chính, Hạng II tương ứng với Văn thư viên, Hạng III tương ứng với Văn thư viên trung cấp.

P.Đồng Quốc Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm

Đương Thị Phương Hảo